

Bản án số: 38/2019/HS-ST

Ngày: 16-7-2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Liêm

*Các hội thẩm nhân dân* 1. Ông: Hoàng Văn Tân

2. Ông: Trần Công Tài

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 28/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HS ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo:

**Mai Văn M**, sinh năm: 1991 tại Nghệ An; Tên gọi khác: B; Nơi cư trú: tổ 7, ấp 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn B (đã chết) và bà Hồ Thị D, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ tên Lê Thị T (đã chết); Bị cáo có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:**

Ông Nguyễn Thái T, sinh năm: 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vũ Thị X, sinh năm: 1990 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng: Trần Thị H, sinh năm: 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 ngày 11/02/2019 M điều khiển xe mô tô đến nhà ông Nguyễn Thái T tìm ông T nhưng không có ông T ở nhà, chỉ có bà Trần Thị H vợ ông T ở nhà.

M xin ngồi đợi ông T ở ngoài sân. Trong lúc ngồi đợi, M nhìn vào trong phòng khách thấy trên xe mô tô của ông T dựng trong nhà có một quần Jean cũ treo trên tay lái xe, phía túi sau có một ví. Bị cáo đã lấy trộm chiếc ví và ra về, trong ví có số tiền 6.000.000đ và một số giấy tờ tùy thân của ông T.

Sau khi ông T về phát hiện bị mất tài sản, đã báo Công an thị trấn T, huyện H. Qua nguồn tin ông T cung cấp, tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H M đã thừa nhận chính M đã trộm tài sản của ông T.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKSHQ ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Mai Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173 điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Văn M 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án

Xin hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đầy đủ cơ sở khách quan xác định vào ngày

11/02/2019 lợi dụng sơ hở của người nhà ông T bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đem về nhà tiêu xài cá nhân.

Số tiền bị cáo trộm được là 6.000.000đ, bị cáo dùng để trả tiền chuộc điện thoại cho chị X 1.550.000đ, cho bạn là Mai Thị P 2.000.000đ, còn lại bị cáo tiêu xài hết.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản truy tố bị cáo Mai Văn M về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bởi hành vi của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã khắc phục hậu quả xong, bị hại có ý kiến giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết.

Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mới phạm tội lần đầu nên hội đồng xét xử áp dụng hình phạt thấp nhất đối với bị cáo cũng là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu.

[4] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu hồi được số tiền 3.615.000đ và trả cho bị hại.

Ngoài ra bị cáo có nộp số tiền 443.000đ tại Viện kiểm sát nhân dân huyện H để khắc phục hậu quả đối với số tiền trộm của ông T. Nhưng tại phiên tòa, ông T xác nhận bị cáo đã trả đủ cho ông số tiền 2.385.000đ, số tiền này bị cáo yêu cầu được nhận lại. Do vậy trả lại cho bị cáo số tiền 443.000đ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại xác nhận đã nhận đủ số tiền do bị cáo bồi thường là 2.385.000đ và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vũ Thị X yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.550.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **[1] Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Mai Văn M phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

#### **[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự:*

Xử phạt bị cáo Mai Văn M 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

#### **[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự:**

Buộc bị cáo Mai Văn M bồi thường cho chị Vũ Thị X số tiền 1.550.000đ. (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

*Tính từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định trên số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Trả lại cho bị cáo Mai Văn M số tiền 443.000đ (bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Số tiền này kèm theo hồ sơ vụ án. Khi nào bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án sẽ chuyển đến Chi cục thi hành án để thi hành.

#### **[4] Về án phí:**

*Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:*

Bị cáo Mai Văn M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án./.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

( Đã ký)

**Lê Thành Liêm**

